

Số: 287/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm
2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 642/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm 1983;

CCCD số: 079183027099 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/8/2021.

Địa chỉ: C Khu phố G, phường Đ (Khu phố C, phường T, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành An H1**, sinh năm 1978;

CCCD số: 079078006337 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021.

Địa chỉ: C Khu phố G, phường Đ (Khu phố C, phường T, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: C Khu phố G, phường Đ (Khu phố C, phường T, Quận A cũ),
Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Nguyễn Thành An H1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: C Khu phố G, phường Đ (Khu phố C, phường T, Quận A cũ),
Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Thành A
Hòa thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn số
48 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày
16/4/2010 không còn giá trị.

2.2 Về con chung: Có 01 (một) người con Nguyễn Ngọc An H2, sinh ngày:
21/11/2007.

Giao người con tên H2 cho ông Nguyễn Thành An H1 trực tiếp trông nom,
chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Ông H1 không yêu cầu bà
Trần Thị Ngọc H cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án
có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi
con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom,
chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3 Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Thành An H1
không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Thành
An H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc H tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm
mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân
và gia đình. Bà H được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm
ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000159 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án
Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự
Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 150.000
(một trăm năm mươi nghìn) đồng cho bà Trần Thị Ngọc H tại Cơ quan Thi hành
án dân sự có thẩm quyền theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:
0000159 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố

Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Trần Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7 – TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 7 – TP.HCM;
- UBND p.Đông Hưng Thuận (p.Tân Hưng Thuận, Quận 12 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Yến Ngọc